

GIÁ DẦU SUY GIẢM: NGUYÊN NHÂN VÀ TÁC ĐỘNG VỚI NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Hoàng Xuân Bình*

Ngày nhận: 10/03/2015

Ngày nhận bản sửa: 16/03/2015

Ngày duyệt đăng: 25/03/2015

Tóm tắt:

Từ tháng 6/2014 đến nay, giá dầu thô trên thế giới đã giảm hơn 50%, đây là giai đoạn biến động tương đối mạnh của giá dầu trong ba thập kỷ vừa qua. Nghiên cứu này sẽ đi sâu phân tích những nguyên nhân ngắn hạn cũng như dài hạn của việc sụt giảm giá dầu như hiện nay. Giá dầu sụt giảm mạnh đem lại nhiều lợi ích cho các quốc gia trong đó có Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản; và cũng khiến nhiều quốc gia khác chịu tác động tiêu cực, đặc biệt là Nga, Venezuela. Nghiên cứu cũng xem xét ảnh hưởng của giá dầu giảm tới kinh tế Việt Nam và đưa ra một số chính sách giúp chúng ta tận dụng được những cơ hội và giảm bớt tác động tiêu cực của suy giảm giá dầu lên nền kinh tế, bao gồm điều chỉnh chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, thay đổi cơ cấu kinh tế hướng tới các ngành có giá trị gia tăng cao và ít thâm dụng tài nguyên.

Từ khóa: chính sách, giá dầu, nguyên nhân, tác động

The decline of oil price: Causes and effects on the world's economy and on Vietnam

Abstract

Since June 2014, the price of crude oil has fluctuated the most within three decades, losing more than 50% of its value. This paper examines the reasons, in both short and long term, for such event. The decrease has brought great benefits for oil importing countries such as China, the U.S and Japan whereas oil exporting countries such as Russia and Venezuela have severely suffered. This paper also investigates the effects on the Vietnamese market and suggests several policies to take advantages and minimize the negative effects of this event. The recommendations include change in fiscal policies, change in monetary policies, change in economic structure towards high value sectors and reduction in natural resources usages.

Keywords: policies, crude oil prices, reasons, effects

1. Giới thiệu

Trước khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, giá dầu đã có bốn lần biến động mạnh. Năm 1973, giá dầu tăng gấp bốn lần từ 2,89 USD lên 11,65 USD/thùng, đánh dấu cuộc khủng hoảng lần thứ nhất. Khủng hoảng lần thứ hai từ năm 1979 đến năm 1980, sau cuộc cách mạng Hồi giáo, giá dầu từ 15,5 USD được nâng lên 24 USD/thùng. Libya, Algérie và Iraq thậm chí đòi đến 30 USD cho một thùng dầu. Năm 1986, giá dầu chỉ còn 10 USD/thùng do các nước thành viên từ chối cắt giảm sản lượng. Đến

năm 2000, giá dầu dao động mạnh trong khoảng 9 USD đến 32 USD/thùng.

Từ khủng hoảng kinh tế Mỹ và toàn cầu năm 2008, giá dầu tăng mạnh từ mức 50 USD lên gần 90 USD/thùng. Đến tháng 7/2014, giá dầu dao động quanh mức 80 USD đến 110 USD/thùng, thậm chí có lúc lên đến 120 USD/thùng. Tuy nhiên, kể từ tháng 8/2014 đến tháng 12/2014, giá dầu liên tục sụt giảm từ 110 USD/thùng xuống 55 USD/thùng. Cho đến đầu năm 2015, giá dầu tiếp tục rơi vào xu hướng giảm và không có dấu hiệu dừng lại. Tính đến ngày

30/1/2015, giá dầu thô WTI vẫn neo ở mức 49,21 USD/thùng.

Ảnh hưởng của biến động giá dầu tới nền kinh tế là vô cùng lớn, không chỉ tác động tới đời sống sinh hoạt hàng ngày của từng cá nhân mà còn tới tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế, toàn bộ khu vực. Nắm được những yếu tố ảnh hưởng tới giá dầu sẽ giúp các hộ gia đình giảm bớt hoang mang trước những biến động khó lường của giá dầu, giúp doanh nghiệp có những kế hoạch kinh doanh phù hợp và giúp các nhà hoạch định chính sách điều hành nền kinh tế một cách hiệu quả hơn.

Bài viết không chỉ giải thích sự biến động của giá dầu thông qua quan hệ cung-cầu như đúng logic của thị trường mà còn phân tích các tác động của xu thế mới như cách mạng khí đá phiến, phát triển năng lượng xanh và các yếu tố địa chính trị. Bằng những số liệu được cập nhật mới nhất, bài viết chỉ rõ những nước được hưởng lợi và chịu thiệt từ việc giá dầu giảm. Phần cuối sẽ bàn về những khó khăn và lợi ích mà Việt Nam, với tư cách là một nước xuất khẩu và nhập khẩu dầu phải trải qua.

2. Tổng quan về thị trường dầu

Dầu là một trong những nhiên liệu quan trọng nhất của xã hội hiện đại dùng trong tất cả các phương tiện giao thông vận tải, sản xuất điện và các sản phẩm của ngành hoá dầu, nhựa, phân bón hoá học... Tập đoàn BP (2013) cho biết trữ lượng dầu trên thế giới tính đến cuối năm 2013 đạt 1.687,9 tỷ thùng, tăng 27% (hơn 350 triệu thùng) trong thập kỉ vừa qua, đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất của cả thế giới trong vòng 53,3 năm nữa.

Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) chiếm 71,9% trữ lượng dầu mỏ toàn cầu với khu vực Trung Đông chiếm trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới, lên đến 56%. Tiếp theo là khu vực Bắc Mỹ (16%), Châu Phi (9%), Trung và Nam Mỹ (8%) và Nga (7%). Theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA, 2014), Venezuela có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất (298 tỷ thùng), Ả rập Xê út (266 tỷ thùng), Canada (173 tỷ thùng). Tuy nhiên, ba nước sản xuất dầu hàng đầu thế giới năm 2013 là Nga (10.730.000 thùng/ngày, chiếm 12,6% sản lượng dầu thế giới), Ả rập Xê út (9.570.000 thùng/ngày) và Mỹ (9.023.000 thùng/ngày). Sản lượng dầu khí khai thác và xuất khẩu tại Việt Nam đạt 20 triệu tấn/năm. Ba quốc gia nhập khẩu dầu nhiều nhất¹ là Mỹ (6,6 triệu thùng/ngày), Trung Quốc (6,2 triệu thùng/ngày) và Nhật Bản (4,4 triệu thùng/ngày).

OPEC điều tiết một chính sách dầu chung nhằm giữ giá dầu bằng việc phân bổ hạn ngạch cho các

thành viên để điều chỉnh lượng khai thác dầu, tạo khan hiếm hoặc dư dầu giả nhằm tăng, giảm hoặc giữ giá dầu ổn định. Do đó, những quyết định của OPEC có ý nghĩa rất quan trọng trên thị trường dầu mỏ thế giới.

3. Nguyên nhân giá dầu giảm liên tục trong thời gian qua

Theo báo cáo của IEA (2014), nhu cầu dầu mỏ trên toàn thế giới kể từ giữa năm 2014 có xu hướng tăng chậm hơn so với cung dầu mỏ. Năm 2015, dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu mỏ ở mức 1,15 triệu thùng/ngày, với tổng tiêu thụ dầu thế giới dự kiến đạt 92,38 triệu thùng/ngày. Trong khi đó, cung dầu mỏ được dự đoán tăng trưởng mạnh hơn ở mức 2 triệu thùng/ngày (OPEC, 2015). Chính sự suy giảm nhu cầu và gia tăng lượng cung đã khiến giá dầu giảm mạnh trong thời gian qua.

3.1. Đánh giá nguyên nhân từ phía cầu tiêu thụ dầu

Nhu cầu dầu mỏ trên thế giới kể từ giữa năm 2014 đến nay có xu hướng giảm xuất phát từ hai nguyên nhân chính, (i) tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm sút (đặc biệt khu vực Châu Âu và Châu Á) và (ii) những biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả hơn đã được áp dụng.

3.1.1. Nhu cầu sụt giảm từ Châu Âu

Năm 2014, tăng trưởng GDP trong quý 2 chỉ đạt 0,1%, gần như đình trệ. Nền kinh tế Đức bất ngờ giảm 0,2%, Italy một lần nữa rơi vào suy thoái khi tăng trưởng tiếp tục đà giảm sâu trong hai quý liên tiếp. Chỉ số PMI của khu vực chỉ đạt 50,7 trong tháng 8/2014. Tháng 8/2014 cũng là thời điểm giá dầu bắt đầu giảm mạnh từ 110 USD xuống 80 USD. Theo Ủy ban châu Âu (EC), mức tăng trưởng của 18 nước thành viên chỉ đạt 0,8%, giảm mạnh so với mức dự báo 1,2%. Ngoài ra, triển vọng tăng trưởng trong năm 2015 cũng giảm xuống còn 1,1% so với dự báo 1,7%. Kinh tế tăng trưởng kém khiến nhu cầu nhập khẩu dầu mỏ của các nước khu vực Châu Âu cũng đi xuống.

3.1.2. Nhu cầu sụt giảm từ Mỹ

Mỹ - thị trường tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới đã có sự suy giảm vì các công nghệ mới giúp xe hơi trở nên tiết kiệm xăng hơn. Số dặm trung bình một gallon xăng có thể đi được tăng từ 20 dặm năm 2008 lên 25,5 dặm năm 2014. Ngoài ra, các loại xe chạy bằng nước, khí nén và năng lượng mặt trời cũng trở nên phổ biến hơn. Người Mỹ có xu hướng chuyển sang sử dụng các dạng năng lượng có thể tái tạo được như năng lượng gió, năng lượng mặt trời. Nhiên liệu sinh học (từ mía, ngô...) cũng được sử dụng ngày càng

phổ biến, sản lượng nhiên liệu sinh học từ năm 2000 đến 2014 đã tăng từ 0,2 triệu thùng/ngày lên 1,4 triệu thùng/ngày (World Bank, 2015).

3.1.3. Nhu cầu sụt giảm từ Trung Quốc

Theo Tổng cục Thống kê Trung Quốc, năm 2014, kinh tế tăng trưởng 7,4%, mức thấp nhất trong 24 năm. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) do HSBC Holdings Plc và Market Economics công bố ở mức 49,5 điểm trong tháng 12, thấp hơn mức dự báo 49,8 điểm được đưa ra trước đó và cũng thấp hơn con số 50 điểm của tháng trước. Điều này thể hiện hoạt động sản xuất đang bị thu hẹp (Diệp Vũ, 2015). Sản lượng công nghiệp giảm mạnh, doanh số bán xe hơi mới tại Trung Quốc cũng giảm. Đây có thể là nguyên nhân khiến nhu cầu dầu mỏ tại Trung Quốc (nước nhập khẩu dầu mỏ lớn thứ hai thế giới) không giữ đà tăng như trước đây.

3.1.4. Sự giảm sút tiêu thụ từ một số quốc gia châu Á

Các nước châu Á có trợ cấp năng lượng lớn nhất (tính theo tỷ lệ phần trăm của GDP) bao gồm: Indonesia 3%; Thái Lan 2,6%; Malaysia và Ấn Độ 2,3%, đã cắt giảm trợ cấp cho người sử dụng nhiên liệu dẫn đến chi phí nhiên liệu tăng cao bất chấp sự sụt giảm giá dầu thế giới (Pederson, 2014). Bắt đầu từ tháng 8/2014, Chính phủ Indonesia đã tuyên bố cắt giảm 20% lượng dầu diesel và 10% lượng xăng được trợ cấp để đảm bảo tuân thủ hạn mức Chính phủ và giảm bớt thâm hụt tài khoản vãng lai. Tháng 10/2014, chính phủ Malaysia tuyên bố sẽ cắt giảm trợ cấp nhiên liệu. Theo đó, giá xăng RON95 và dầu diesel bán lẻ sẽ tăng 20 sen mỗi lít (tương đương 0,06 USD). Cũng trong tháng 10, Chính phủ Ấn Độ đã ra thông báo chấm dứt việc trợ giá đối với mặt hàng dầu diesel và tăng giá khí đốt. Tất cả những động thái trên đã làm nhu cầu dầu mỏ tại khu vực Châu Á trong nửa cuối 2014 có xu hướng giảm.

3.2. Đánh giá các nguyên nhân từ phía cung dầu mỏ

3.2.1. Sản lượng dầu tăng mạnh

Năm 2014, đặc biệt là sau quý II, đánh dấu sự gia tăng mạnh của lượng cung dầu mỏ, lên tới 94 triệu thùng/ngày (IEA, 2014). Nguyên nhân đến từ cuộc cách mạng khí đá phiến tại Mỹ và công nghiệp khai thác dầu cát tại Canada (E.L, 2014).

Giá dầu tăng mạnh trong giai đoạn sau khủng hoảng tài chính (ở mức 100 -110 USD/thùng) đã trở thành động lực khiến các công ty năng lượng tìm các cách khai thác dầu khác. Tại Mỹ, các công ty bắt đầu sử dụng các kỹ thuật phi truyền thống như nứt vỡ thủy lực và khoan ngang để khai thác dầu từ đá

phiến ở Bắc Dakota và Texas. Đến năm 2014, lượng khai thác dầu mỏ của Mỹ đạt trung bình 9 triệu thùng dầu/ngày (chỉ đứng sau Nga - trên 10 triệu thùng/ngày và Ả-rập-xê-út- gần 10 triệu thùng/ngày) (Trần Hữu Hiếu, 2014).

Tại Canada, các công ty đã tiến hành làm nóng dầu cát tại Alberta bằng hơi nước để triết xuất dầu thô. Canada hiện xếp thứ hai thế giới về tiềm năng dầu mỏ (170 tỷ thùng), chỉ sau Ả Rập (trữ lượng 230 tỷ thùng). Theo dự đoán, sản lượng dầu mỏ của khu vực Kearl - dự án khai thác dầu cát lớn nhất đang xây dựng tại Canada sẽ không chỉ dừng ở con số hơn 1,6 triệu thùng/ngày như hiện nay mà sẽ đạt đến 5 triệu thùng/ngày năm 2030.

Sau một thời gian dài việc khai thác bị ngưng trệ do nội chiến, Libya đã bắt đầu cung cấp khoảng 900.000 thùng/ngày. Một lý do làm ảnh hưởng tới giá dầu thô trong ngắn hạn là các mỏ dầu mà “nhà nước hồi giáo” IS đang nắm giữ và khai thác. Do bán trên chợ đen nên giá dầu cung cấp bởi IS rất rẻ, ở mức 25-30 USD/thùng. Iraq dù đang phải chống chọi với lực lượng IS nhưng khu vực sản xuất nhiều dầu nhất hiện nay- Shiite- gần như chưa bị ảnh hưởng của cuộc chiến nên sản lượng khai thác và xuất khẩu vẫn ngày một tăng. Vì thế, dù bất ổn đang diễn ra ở Trung Đông và Ukraine, nhưng xem ra giá dầu vẫn chưa có xu hướng tăng trở lại.

3.2.2. Quyết định chưa cắt giảm sản lượng của OPEC

OPEC với trữ lượng dầu mỏ chiếm 40% toàn thế giới đã duy trì lượng cung dầu mỏ ra thị trường ở mức 30 triệu thùng/ngày kể từ năm 2011. Nhóm các nước có chi phí sản xuất dầu cao như Venezuela, Iran yêu cầu liên minh (đặc biệt là Ả-rập-xê-út) giảm sản lượng để đẩy giá. Các nước này cần giá dầu ở mức cao để đảm bảo cân bằng ngân sách và phục vụ chi tiêu chính phủ. Trong khi đó, nước sản xuất dầu lớn thứ hai thế giới Ả-rập-xê-út muốn giữ nguyên sản lượng và sẵn sàng để giá giảm². OPEC hi vọng rằng với lợi thế chi phí sản xuất dầu hiện tại thấp hơn so với chi phí khai thác dầu đá phiến tại Texas và Bắc Dakota, khi giá dầu tiếp tục giảm, các nhà sản xuất Mỹ sẽ bị loại dần và giá dầu sẽ ổn định³.

3.2.3. Mỹ chấm dứt gói nói lỏng định lượng

Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định chấm dứt gói nói lỏng định lượng, thắt chặt thị trường tiền tệ, hạn chế bớt sự tăng trưởng quá nóng của thị trường tài chính. Tuy nhiên, việc dừng gói nói lỏng định lượng đã khiến cung USD trên thị trường Mỹ giảm làm tăng lãi suất và đồng USD mạnh lên khiến

giá dầu giảm xuống (Đông Ngân, 2015).

3.2.4. Nguyên nhân mang yếu tố chính trị

Từ thời Chiến tranh lạnh đến nay Nga vẫn là cường quốc quân sự, là thách thức an ninh lớn nhất đối với Mỹ. Sau sự kiện Nga sáp nhập Crimea, giới chức Mỹ và châu Âu lo ngại sự việc này có thể tạo thành tiền lệ, ảnh hưởng đến bản đồ đã được vẽ lại sau Chiến tranh Thế giới 2 ở châu Âu (Hoàng Anh Tuấn, 2015). Công nghiệp dầu mỏ đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế Nga với lượng vốn đầu tư lớn. Sụt giảm giá dầu sẽ khiến Nga không thể thu hồi được vốn đầu tư và đứng trước nguy cơ khủng hoảng kinh tế, chính trị.

Một mục tiêu chính trị nữa trong “cuộc chiến” dầu mỏ là Iran. Iran là nước có nguồn thu phụ thuộc lớn vào xuất khẩu dầu mỏ, đồng thời có mâu thuẫn tôn giáo sâu sắc với Ả-rập-xê-út. Cả hai nước đều cạnh tranh ảnh hưởng ở khu vực Trung Đông. Giá dầu giảm tác động tiêu cực lên Iran và làm suy yếu quốc gia này.

4. Đánh giá tác động của việc giá dầu giảm với kinh tế thế giới

Đối với những nước nhập khẩu nhiều dầu mỏ, giá dầu giảm là một tin vui khi người dân có thể tiết kiệm một phần thu nhập của mình. Số tiền này sẽ được chuyển sang chi tiêu cho những hàng hóa khác (trong đó có hàng hóa sản xuất trong nước), từ đó làm gia tăng tổng cầu. Đối với những nước xuất khẩu nhiều dầu mỏ, giá dầu giảm có thể gây tác động xấu khi xuất khẩu- một phần thu nhập quốc dân giảm, ngân sách thu hẹp khiến cho chi tiêu chính phủ gặp khó khăn.

Do vậy, khi giá dầu giảm, xét trên phạm vi thế giới, kết quả rõ ràng nhất là sự phân phối lại thu nhập từ những nhà sản xuất dầu tới những người tiêu dùng.

4.1. Tác động đối với nền kinh tế thế giới

Khoa kinh tế học Đại học Oxford ước tính cứ 20 USD giảm trong giá dầu sẽ thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng 0,4% trong vòng 2 đến 3 năm. IMF nhận định cứ 40 USD giá dầu giảm sẽ giúp nền kinh tế tránh khỏi 0,5% giảm trong tăng trưởng nếu có tác động tiêu cực giai đoạn 2014 – 2016 (Giles và các cộng sự, 2014). Theo IEA, giá dầu giảm, chính phủ có thể cắt giảm trợ giá năng lượng toàn cầu ước tính từ 550 tỷ USD xuống còn 400 tỷ USD, các chính phủ sẽ có nhiều tiền hơn để chi tiêu kích thích phát triển kinh tế.

Theo Ed Yardeni (trích trong Greiner, 2015), sự suy giảm giá dầu đem lại lợi ích là 915 tỷ USD cho

các nước kinh tế phát triển (Mỹ, châu Âu và Nhật Bản) và 990 tỷ USD cho các nền kinh tế “mới nổi” của thế giới.

4.1.1. Nhóm các quốc gia được hưởng lợi

Nhóm này bao gồm những nước mới nổi nhập khẩu ròng dầu và các quốc gia phát triển như Trung Quốc, Nhật Bản, Indonesia, Malaysia, Mỹ...

Trung Quốc: Với tư cách là nước nhập khẩu dầu lớn thứ hai thế giới, giá dầu giảm 1 USD sẽ giúp tiết kiệm 2,1 tỷ USD mỗi năm. Với giá dầu ở mức thấp, Trung Quốc có thể dễ dàng loại bỏ việc sử dụng các nhiên liệu bản như diesel và giảm bớt tình trạng ô nhiễm môi trường. Thêm vào đó, chính phủ có thể cắt giảm trợ cấp cho nhiên liệu trong thời gian tới. Nhìn chung, giá dầu thấp sẽ thúc đẩy tăng trưởng GDP Trung Quốc 0,5 điểm phần trăm trong năm 2015 so với mức dự đoán (Mioh Song, 2014).

Nhật Bản: Cứ mỗi 10% giá dầu giảm, Nhật Bản sẽ tiết kiệm được 24 tỷ USD. Nếu giá dầu thế giới duy trì ở mức 50 USD trong năm nay thì tỷ giá USD/JPY duy trì ở mức 120, thâm hụt thương mại có thể giảm 11 nghìn tỷ Yên (tương đương 2% GDP) và cán cân thương mại có thể được kéo về mức cân bằng (DBS Group research, 2015).

Ngoài ra, giá dầu giảm giúp các nước Châu Á như Indonesia, Malaysia tiết kiệm ngân sách. Các nước này có thể tiếp tục cắt giảm trợ cấp năng lượng mà không vấp phải phản ứng của người dân.

Mỹ: Tác động của suy giảm giá dầu lên kinh tế Mỹ mang tính hỗn hợp vì Mỹ đồng thời vừa là nước tiêu dùng vừa là nước sản xuất dầu lớn nhất thế giới. Với tư cách là nước tiêu thụ dầu mỏ lớn nhất thế giới, giá dầu giảm tiết kiệm cho người tiêu dùng Mỹ một khoản tiền lớn. GDP của Mỹ có thể tăng 0,2-0,5 điểm phần trăm so với dự đoán 3,1% cho năm 2015 và 0,3- 0,6 điểm phần trăm so với dự đoán cho năm 2016. Tuy nhiên, Mỹ sản xuất dầu mỏ từ đá phiến với chi phí cao hơn khai thác dầu mỏ thông thường, giá dầu giảm có thể khiến một số công ty sản xuất dầu phải đóng cửa. Một vấn đề nữa Mỹ phải đối mặt khi giá dầu giảm là nỗi lo duy trì tỉ lệ lạm phát ở mức 2%.

4.1.2. Nhóm các quốc gia chịu nhiều tác động tiêu cực

Nhóm này gồm những nước xuất khẩu ròng dầu đồng thời xuất khẩu dầu là nguồn cung cấp chính cho ngân sách và quỹ ngoại tệ quốc gia.

Nga: Xuất khẩu dầu khí đóng góp 1/3 ngân sách và 2/3 kim ngạch xuất khẩu. Cứ 1 USD giảm trong giá dầu, ngân sách Nga thiệt hại 2 USD tỷ (Hồng

Quý, 2014). Năm 2014, tăng trưởng kinh tế của nước này giảm xuống 0,6%, so với mức 1,3% của năm trước đó. Bộ Phát triển Kinh tế Nga ngày 31/1/2015 cũng đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế của nước này trong năm 2015, khi ước tính GDP sẽ giảm 3% nếu giá dầu cả năm ở mức 50 USD/thùng như hiện nay.

Venezuela: dầu khí chiếm tới 95% tổng kim ngạch xuất khẩu và đóng góp 25% GDP. Giá dầu tiếp tục giảm sẽ dẫn đến nguy cơ vỡ nợ quốc gia. Dự trữ ngoại hối giảm xuống mức thấp nhất dưới 20 tỷ USD. Điều này đẩy đồng bolivar ngày càng mất giá làm trầm trọng thêm tình hình lạm phát vốn đã rất cao 60%/năm.

Ả Rập Xê út: Với giá dầu ở mức dưới 50 USD, xuất khẩu ròng giảm sâu, ngân sách và tăng trưởng của Ả Rập Xê út gặp khá nhiều trở ngại, tuy nhiên với nguồn dự trữ ngoại hối dồi dào từ khi giá dầu cao, tình hình không đến nỗi nguy cấp.

Canada: Ủy ban Hội nghị Canada cho biết trong năm nay, tăng trưởng GDP của quốc gia Bắc Mỹ này sẽ chỉ duy trì ở mức 2%, thay vì mức dự báo 2,4% trước đó. Nguyên nhân chính là do giá dầu lao dốc, khiến nguồn vốn đầu tư cho ngành năng lượng của Canada giảm mạnh và nguồn thu từ các hoạt động khai thác năng lượng của các địa phương dự báo giảm 3,7 tỷ USD năm 2015.

Châu Âu: Giá dầu giảm khiến Châu Âu đối mặt với nỗi lo giảm phát khi nhập khẩu năng lượng vào Liên minh châu Âu là 500 tỷ USD trong năm 2013, trong đó 75 % là dầu (Reuters, 2014). Mario Draghi, người đứng đầu Ngân hàng Trung ương Châu Âu, tuyên bố 80% sự suy giảm lạm phát từ năm 2011 năm 2014 là do giá dầu và lương thực thấp. Châu Âu cũng đang cố gắng để giảm sự phụ thuộc vào Nga và cắt giảm lượng khí thải carbon bằng cách giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Những mục tiêu này sẽ khó có thể đạt được khi giá dầu duy trì ở mức thấp như hiện nay.

4.2. Tác động tới nền kinh tế Việt Nam

Việt Nam hiện là nước có trữ lượng dầu thô cao thứ hai ở khu vực Đông Á, chỉ sau Trung Quốc với 4,4 tỷ thùng (tương đương gần 630 triệu tấn). Theo IEA, Việt Nam xếp thứ 36 trong 115 sản xuất dầu trên thế giới với sản lượng 300.600 thùng một ngày chiếm 0,36% sản lượng dầu trên thế giới. Xuất khẩu dầu thô đóng góp quan trọng cho thu ngân sách quốc gia. Tuy nhiên, Việt Nam cũng là nước nhập khẩu dầu thô (cho lọc dầu Dung Quất) và nhập các sản phẩm dầu, do vậy giá dầu giảm vừa có tác động tích cực và tiêu cực lên kinh tế Việt Nam (Lê

Phuong Thảo Quỳnh và Phạm Xuân Trường, 2015).

4.2.1. Tác động đến tăng trưởng, lạm phát

Theo số liệu của năm 2013, ngành dầu khí đóng góp 7% GDP. Tổng lượng tiêu thụ các sản phẩm xăng dầu tại Việt Nam là 17 triệu tấn/năm, và nếu giá bán lẻ giảm 5.000 đồng/lít-kg (tức giảm trung bình 20%) thì toàn bộ nền kinh tế có thể tiết kiệm được gần 4 tỷ USD (SSI research, 2014). Còn theo mô hình dự báo của CIEM, nếu giá xăng dầu trong nước giảm 10% thì chi phí sản xuất giảm 0,57%, CPI giảm 0,55%, kinh tế tăng thêm 0,91%.

Người dân được hưởng lợi do sử dụng các sản phẩm dầu khí giá rẻ và giá hàng hóa, dịch vụ khác giảm. Các doanh nghiệp, nhà máy, công ty sử dụng sản phẩm dầu - khí làm nhiên liệu đầu vào, đặc biệt là các công ty vận tải hàng không, đường bộ, đường biển, các nhà máy điện chạy bằng dầu, bằng khí... được hưởng lợi lớn, Nhà nước sẽ tăng thu do sản xuất phát triển, các doanh nghiệp lãi cao hơn, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế lợi tức cao hơn. Tuy nhiên, nếu giá dầu tiếp tục giảm mạnh và kịch bản xấu là Việt Nam phải cắt giảm sản lượng dầu thì tăng trưởng GDP cũng sẽ bị tác động tiêu cực. Bộ Kế hoạch và Đầu tư giả định nếu ngành khai thác dầu phải cắt giảm 30% sản lượng thì sẽ tác động rất lớn đến nền kinh tế, tăng trưởng GDP có thể suy giảm từ 0,8 đến 1,2 điểm phần trăm (Vũ Anh, 2014).

4.2.2. Tác động đến ngân sách

Nguồn thu từ giá dầu thô chiếm khoảng 10% tổng thu ngân sách. Bộ Tài chính ước tính, cứ giảm 1 USD/thùng dầu thô thì ngân sách giảm thu 1.000 tỷ đồng. Năm 2015, dự toán thu ngân sách từ dầu thô là 93.000 tỷ đồng với giá dự toán dầu thô là 100 USD/thùng (Phạm Huyền, 2014). Bộ Kế hoạch và Đầu tư ước tính, nếu giá dầu giảm từ trên 100 USD/thùng đầu năm 2014 xuống còn bình quân 70 USD/thùng trong năm 2015, thì ngân sách hụt thu khoảng 30.000 tỷ đồng.

4.2.3. Cán cân thương mại

Trong 11 tháng đầu năm 2014, xuất khẩu dầu thô và sản phẩm xăng dầu đạt 7,8 tỷ USD, trong khi nhập khẩu dầu thô và các sản phẩm xăng dầu đạt 8,43 tỷ USD. Nếu tính đến các sản phẩm có liên quan đến dầu (phân bón, nhựa và các sản phẩm tinh chế khác), mức chênh lệch sẽ là đáng kể (xuất khẩu đạt 10,22 tỷ USD, nhập khẩu đạt 19,16 tỷ USD). Do đó, Việt Nam rõ ràng được hưởng lợi từ xu hướng giảm giá hiện tại của dầu thô toàn cầu.

4.3. Khuyến nghị cho Việt Nam

Vậy, Việt Nam cần làm gì để tận dụng những cơ

hội và vượt qua thách thức của giá dầu thấp đem lại, từ đó đạt được những mục tiêu kinh tế vĩ mô tốt hơn trong giai đoạn tới?

4.3.1. Chính sách tài khóa

Từ năm 2014, nhiều nước đang phát triển khác có động thái giảm trợ cấp nhiên liệu như Ấn Độ, Indonesia, Malaysia nhưng Việt Nam với mức trợ cấp lên tới 2,5% GDP vẫn chưa có sự thay đổi. Trợ cấp nhiên liệu có xu hướng đem lợi ích cho các gia đình thu nhập trung bình và hướng vào ngành sản xuất, tiêu dùng năng lượng (World Bank, 2015). Giá dầu giảm, Việt Nam có thể cân nhắc giảm trợ cấp nhiên liệu mà không ảnh hưởng nhiều đến giá mà người tiêu dùng phải trả. Nguồn ngân sách không phải chỉ cho trợ cấp nhiên liệu có thể được sử dụng cho mục đích khác như các chương trình vì lợi ích người nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư cho con người.

Ngân sách của Việt Nam vẫn phụ thuộc tương đối vào xuất khẩu dầu. Tình trạng giá dầu giảm như phân tích ở trên chỉ ra ảnh hưởng tiêu cực đến ngân sách. Trong thời gian tới, nếu giá dầu tiếp tục duy trì ở mức thấp, chúng ta cần điều chỉnh lại cơ cấu thu chi ngân sách cho hợp lý để giảm bớt tình trạng cán cân ngân sách bị thâm hụt.

4.3.2. Chính sách tiền tệ

Tăng trưởng kinh tế tại năm 2014 là 5,98%, lạm phát dưới 2%. Giai đoạn 2015-2016 giá dầu tiếp tục được dự báo ở mức thấp, việc điều hành chính sách tiền tệ có thể tập trung vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế và ổn định lạm phát.

4.3.3. Chính sách ngành

Nếu giá dầu thấp kéo dài trong trung hạn, cơ cấu ngành kinh tế sẽ có sự thay đổi theo hướng chuyển dịch về những ngành sử dụng nhiều nhiên liệu hay năng lượng. Điều này sẽ khiến chúng ta đối mặt với

nguy cơ ô nhiễm môi trường. Để bù đắp cho chi phí môi trường, các nhà chính sách có thể tăng thuế đánh vào năng lượng, cân bằng lại ngân sách.

Trong thời gian tới, Chính phủ cần xem xét lại định hướng phát triển kinh tế, tránh việc coi khai thác, buôn bán và xuất khẩu tài nguyên là mũi chính của nền kinh tế, giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn thu dầu mỏ. Cần tập trung vào các giải pháp để dịch chuyển từ ngành phi thương mại sang các ngành có giá trị gia tăng cao và sử dụng ít tài nguyên. Tăng cường đào tạo nhân lực để phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

5. Kết luận

Sau bốn năm duy trì mức giá ổn định quanh 105 USD/thùng, giá dầu đã giảm mạnh kể từ nửa cuối 2014. Có nhiều nguyên nhân cho việc giá dầu sụt giảm như sự suy giảm trong nhu cầu sử dụng dầu mỏ, lượng cung dầu mỏ liên tục tăng, các lý do địa chính trị, sự tăng giá của đồng đô la hay sự thay đổi trong chính sách của OPEC. Nguyên nhân từ phía cung là rõ ràng hơn cả, đặc biệt là chiến lược quyết giảm giá để giữ thị phần của OPEC kể từ tháng 11/2014. Giá dầu giảm đã ảnh hưởng đến kinh tế nhiều quốc gia trên thế giới. Việt Nam với tư cách vừa là nước xuất khẩu dầu thô lại vừa nhập khẩu các sản phẩm từ dầu, nên vừa chịu ảnh hưởng tiêu cực (giảm thu ngân sách) và tích cực (tăng trưởng) từ giá dầu giảm. Trong bối cảnh đó, chúng ta cần có những chính sách cho phù hợp như thay đổi chính sách thuế nhiên liệu, trợ cấp nhiên liệu, điều chỉnh cơ cấu kinh tế trong trung hạn và dài hạn theo hướng tập trung hơn vào những ngành khai thác ít tài nguyên và có giá trị gia tăng cao, đó có thể là một trong những hướng đi giúp nền kinh tế dần dần hạn chế sự phụ thuộc vào năng lượng, hay cụ thể là những biến động của giá dầu. □

Ghi chú:

1. Lấy lượng dầu tiêu thụ trừ lượng dầu tự sản xuất.
2. Nguyên nhân là do những năm 1980, giá dầu giảm mạnh, để khôi phục về mức như ban đầu, nước này đã tiến hành cắt giảm sản lượng nhưng mức giá vẫn tiếp tục giảm và Arabia đã mất đi thị phần của mình (PEA, 2014).
3. So sánh điểm hoà vốn giữa các cường quốc cung cấp dầu mỏ sẽ thấy: dầu được khai thác trên bờ khu vực Trung Đông là 29 USD, ngoài khơi là 43 USD, trong khi tại Nga điểm này là 54 USD, đá phiến tại Mỹ 62 USD, dầu cát 7 USD (Rystard Energy, 2014). Như vậy, các nước ở khu vực Trung Đông có lợi thế hơn trong cuộc cạnh tranh về giá so với Mỹ và Nga.

Tài liệu tham khảo

- BP (2013), *Statistical review of world energy*, Vương quốc Anh.
DBS group research (2015), *Japan: mixed impact of low oil price*, Singapore.
Đông Ngân (2015), *Nguyên nhân và tác động của giá dầu giảm đến tình hình thế giới*, truy cập ngày 10 tháng 1 năm

- 2015, từ <<http://vietstock.vn/2015/01/nguyen-nhan-va-tac-dong-cua-gia-dau-giam-den-tinh-hinh-the-gioi-34-402807.htm>>
- E.L (2014), *Why oil price is falling*, truy cập ngày 04 tháng 01 năm 2015 <<http://www.economist.com/blogs/economist-explains/2014/12/economist-explains-4>>
- Giles, Chris, Izvorski, I.S., van Eeghen, W. và Rosa, D.D. (2014), ‘Diversified development: making the most of natural resources in Eurasia. Europe and Central Asia Studies’, *World Bank*, Washington, DC.
- Hoàng Anh Tuấn (2015), *Những toan tính chính trị khi đánh tụt giá dầu*, truy cập ngày 25 tháng 1 năm 2015, <<http://www.tienphong.vn/the-gioi/nhung-toan-tinh-chinh-tri-khi-danh-tut-gia-dau-805614.tpo>>
- Hồng Quý (2014), *Dầu giảm 1USD, Nga mất 2 tỉ USD*, truy cập ngày 25 tháng 12 năm 2014, từ <<http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/phong-su-ky-su/20141224/dau-giam-1-usd-nga-mat-2-ti-usd/689526.html>>
- IEA [Cơ quan năng lượng quốc tế] (2014), *Oil market report*.
- Lê Phương Thảo Quỳnh và Phạm Xuân Trường (2015), *Biến động giá dầu 2014*, Bài Nghiên cứu kinh tế và chính sách số 24, Viện Nghiên cứu kinh tế và chính sách, Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà nội.
- Mioh Song (2014), *Lower oil prices – a boom for China’s economy*, truy cập ngày 28 tháng 12 năm 2014, từ <http://news.xinhuanet.com/english/china/2014-11/28/c_133821067.html>
- OPEC (2014), *Oil market monthly report, tháng 11/2014*, Áo.
- OPEC (2015), *Oil market monthly report, tháng 1/2015*, Áo.
- Pederson, Chris (2014), *5 reasons oil prices are dropping*, truy cập ngày 22 tháng 1 năm 2015, từ <<http://oilprice.com/Energy/Oil-Prices/5-Reasons-Oil-Prices-Are-Dropping.html>>
- Diệp Vũ (2015), *Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm nhất 24 năm*, *VNeconomy*, truy cập ngày 14 tháng 1 năm 2015, từ <<http://vneconomy.vn/the-gioi/kinh-te-trung-quoc-tang-truong-cham-nhat-24-nam-20150120110014973.htm>>
- Phạm Huyền (2014), *Giảm thu 50 ngàn tỷ vì dầu – tìm đủ cách bù đắp*, truy cập ngày 9 tháng 1 năm 2015, từ <<http://vietnamnet.vn/vn/kinh-te/213562/giam-thu-50-ngan-ty-vi-dau-tim-du-cach-bu-dap.html>>
- Reuters (2014), *Europe could save up to \$80 billion in energy imports as prices plunge*, truy cập ngày 15 tháng 11 năm 2014, từ <<http://uk.reuters.com/article/2014/10/15/uk-europe-energy-imports idUKKCN0I411G20141015>>
- Rystard Energy (2014), *Global liquids cost curve: Shale is pushing out oil sands and arctic, offshore is still in the race.*, truy cập ngày 20 tháng 7 năm 2014, từ <<http://www.rystadenergy.com/AboutUs/NewsCenter/PressReleases/global-liquids-cost-curve>>
- SSI research (2014), *Giá dầu giảm được xem như một khoản giảm thuế để hỗ trợ nền kinh tế*, truy cập ngày 03 tháng 01 năm 2015, từ <<http://ndh.vn/ssi-research-gia-dau-giam-duoc-xem-nhu-mot-khoan-giam-thue-de-ho-tro-nen-kinh-te-2014121903537660p4c146.news>>
- Trần Hữu Hiếu (2014), *Cuộc cách mạng dầu khí đã phiến tại Mỹ*, truy cập ngày 16 tháng 1 năm 2015, từ <<http://www.thesaigontimes.vn/121624/Cuoc-cach-mang-dau-khi-da-phien.html>>
- Vũ Anh (2014), *Việt Nam đang chi 30 – 70 USD khai thác mỗi thùng dầu*, *VNeconomy*, truy cập ngày 17 tháng 1 năm 2015, từ <<http://vneconomy.vn/thoi-su/viet-nam-dang-chi-3070-usd-khai-thac-moi-thung-dau-20141217072542419.html>>
- World Bank (2015), *Understanding the plunge in oil prices: Sources and implications, chapter 4, Global Economic Prospect 1/2015*, Washington, DC.
- Yoshino, Naoyuki và Hesary Farhad Taghizadeh (2014), *Economic impacts of Oil fluctuations in developed and emerging markets*, truy cập ngày 22 tháng 1 năm 2015 từ <<https://eneken.ieej.or.jp/data/5733.pdf>>

Thông tin tác giả:

***Hoàng Xuân Bình**, Tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Đại học Ngoại Thương

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, thị trường chứng khoán

- Các tạp chí từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế đối ngoại, Tạp chí Kinh tế và phát triển, Tạp chí khoa học thương mại

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: binhx@ftu.edu.vn